

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2020

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thân Văn Kỳ**

2. Ông **Nguyễn Phước Tường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tân** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 552/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T** sinh năm: 1980

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Chị **Ngô Thị Kiều O** sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Anh T có mặt, chị O xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Ngô Thị Kiều O tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị O có quan hệ tình cảm với người khác, tự ý bỏ đi nơi khác sinh sống nên anh và chị O sống ly thân với nhau từ năm đó đến nay không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị O nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: anh và chị O có 02 con chung tên Nguyễn Ngô Duy L, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2002 và Nguyễn Ngô Duy K, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2008 hiện đang sống với anh. Nay anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại tờ tự khai đề ngày 18 tháng 8 năm 2020 bị đơn là chị Ngô Thị Kiều O trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T trong nhiều năm chung sống vợ chồng đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn nên chị và anh T không thể chung sống cùng nhau. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý. Về con chung: chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Ngô Duy L, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2002 và Nguyễn Ngô Duy K, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2008 hiện đang sống với anh T. Ly hôn chị đồng ý để anh T nuôi cháu K, còn con lớn đã trưởng thành nên chị không có ý kiến gì. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, chị O xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị O là phù hợp Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị Kiều O tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2001 đến ngày 25 tháng 3 năm 2002 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị O được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh T và chị O đều xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau nguyên nhân anh T trình bày là do chị O có quan hệ tình cảm với người khác còn chị O thì không trình bày nguyên nhân mâu thuẫn. Xét thấy anh T và chị O có thời gian dài không còn chung sống với nhau, anh chị cũng không có hàn gắn tình cảm thể hiện qua việc chị O gửi đơn xin giải quyết vắng mặt và đồng ý ly hôn chứng tỏ chị O không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh T ly hôn với chị O là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh T và chị O có 02 con chung tên Nguyễn Ngô Duy L, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2002 đã trưởng thành và Nguyễn Ngô Duy K, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2008 hiện đang sống với anh T. Nay anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi 01 con chung là Nguyễn Ngô Duy K. Chị O cũng đồng ý để anh T nuôi cháu K. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh T và chị O về việc nuôi con phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp nguyện vọng của cháu K mong muốn được sống với anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị Kiều O
2. Về nuôi con chung:
 - Giao 01 con chung tên Nguyễn Ngô Duy K, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2008 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.
 - Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Ngô Thị Kiều O.
 - Chị O được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu chị O lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với chị O.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003917 ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với chị O thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.
6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

